

Đề này gồm có 02 trang

PHẦN I. CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN. (3 điểm) Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1. Nội dung nào sau đây **không** phải vai trò của chăn nuôi?

- A. Cung cấp nguồn thực phẩm giàu protein (thịt, trứng, sữa) cho con người.
- B. Cung cấp sức kéo cho trồng trọt.
- C. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.
- D. Cung cấp lương thực cho xuất khẩu.

Câu 2. Thực phẩm nào sau đây **không** phải là sản phẩm của chăn nuôi?

- A. Sữa B. Trứng C. Thịt D. Rau

Câu 3. Ở Việt Nam hiện nay, có những hình thức chăn nuôi chủ yếu nào?

- A. Chăn nuôi nông hộ, chăn nuôi trang trại, chăn nuôi công nghiệp.
- B. Chăn nuôi tự nhiên, chăn nuôi bán công nghiệp, chăn nuôi thủ công.
- C. Chăn nuôi thủ công, chăn nuôi đô thị, chăn nuôi rừng núi.
- D. Chăn nuôi tập trung, chăn nuôi tự phát, chăn nuôi ven sông.

Câu 4. Tiêu chuẩn phổ biến nhất để phân loại vật nuôi là gì?

- A. Dựa vào môi trường sống. B. Dựa vào mục đích sản xuất.
- C. Dựa vào màu sắc và hình dạng. D. Dựa vào mức độ tiêu thụ thức ăn.

Câu 5. Để được công nhận là giống vật nuôi mới, điều kiện quan trọng nhất là gì?

- A. Có năng suất cao, chất lượng tốt và ổn định qua nhiều thế hệ.
- B. Có màu lông đẹp, hình dáng bắt mắt.
- C. Dễ nuôi, ít tốn công chăm sóc.
- D. Ăn tạp, thích nghi với nhiều loại thức ăn.

Câu 6. Khi nào một giống vật nuôi chỉ được công nhận?

- A. Có số lượng cá thể đông đảo trên toàn quốc.
- B. Khi có nguồn gốc rõ ràng, được nuôi thử nghiệm và đánh giá đạt tiêu chuẩn.
- C. Được nhiều địa phương nuôi phổ biến theo tập quán.
- D. Có giá bán trên thị trường cao và ổn định.

Câu 7. Chọn đúng các từ thích hợp khi nói về "Chọn giống vật nuôi."

Chọn giống vật nuôi là lựa chọn và làm giống những cá thể có đặc tính tốt, với mục đích của chăn nuôi và mong muốn của người chọn giống, đồng thời các cá thể không đạt yêu cầu.

- A. đào thải, không phù hợp, giữ lại B. giữ lại, đào thải, phù hợp
- C. giữ lại, phù hợp, đào thải D. đào thải, giữ lại, phù hợp.

Câu 8. Chọn lọc dựa vào ngoại hình, các chỉ tiêu về khả năng sản xuất của đàn vật nuôi để chọn ra những cá thể phù hợp với mục tiêu chọn lọc để làm giống. Đây là phương pháp chọn giống vật nuôi nào ?

- A. Chọn lọc tổ tiên B. Chọn lọc hàng loạt C. Chọn lọc bản thân D. Chọn lọc cá thể

Câu 9. Đây là ưu điểm của chọn lọc cá thể ?

- A. Có thể chọn được nhiều cá thể cùng lúc B. Không đòi hỏi kĩ thuật cao
- C. Giống được sử dụng trong thời gian dài D. Dễ thực hiện, ít tốn kém

Câu 10. "Cho giao phối giữa con đực và con cái thuộc các giống khác nhau để sinh ra đời sau mang vật chất di truyền từ nhiều giống khác nhau". Đây thuộc phương pháp nào?

A. Lai giống. B. Lai xa C. Chọn giống. D. Nhân giống thuần chủng.

Câu 11. "Cho giao phối giữa con đực và con cái thuộc cùng một giống". Đây thuộc phương pháp nhân giống nào?

A. Lai kinh tế. B. Nhân giống thuần chủng. C. Lai xa D. Lai cải tạo.

Câu 12. Nhược điểm của đời con trong phép lai xa là gì?

A. Năng suất thấp. B. Sức sinh trưởng, sinh sản kém
C. Bất thụ D. Ngoại hình nhỏ

PHẦN II. CÂU TRẮC NGHIỆM DẠNG ĐÚNG/SAI. (4 điểm) Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn Đúng hoặc Sai.

Câu 1: Chăn nuôi là một ngành sản xuất nông nghiệp có vai trò quan trọng đối với đời sống con người và nền kinh tế. Một nhóm nhóm học sinh được giao nhiệm vụ thảo luận về vấn đề này, trước khi báo cáo, nhóm học sinh đã thống nhất một số nội dung sau:

- a) Chăn nuôi có vai trò cung cấp nguyên liệu cho chế biến, xuất khẩu, cung cấp thực phẩm cho tiêu dùng hàng ngày, cung cấp phân bón cho trồng trọt,...
- b) Ngành chăn nuôi cung cấp thịt, sữa, trứng,... là nguồn cung cấp nông sản cho con người sử dụng hàng ngày.
- c) Để có việc làm, tăng thu nhập, nhiều hộ gia đình ở nông thôn đã tiến hành nhiều mô hình chăn nuôi nhỏ lẻ như nuôi bò, lợn, gà, vịt,...
- d) Ở nông thôn thường kết hợp chăn nuôi với trồng trọt, nhiều hộ nông dân đã biến chất thải chăn nuôi thành nguồn phân bón hiệu quả cho cây trồng.

Câu 2: Khi nói về các phương thức chăn nuôi chủ yếu ở Việt Nam, có một số nhận định sau:

- a) Phương thức chăn nuôi truyền thống là chăn thả tự do.
- b) Chăn nuôi công nghiệp giúp vật nuôi được đối xử tốt hơn.
- c) Phương thức chăn nuôi bán công nghiệp vật nuôi có sân vườn để vận động, chạy nhảy.
- d) Các giống bản địa phù hợp với phương thức chăn nuôi công nghiệp.

Câu 3: Một nhóm học sinh thảo luận về nội dung khái niệm, vai trò của giống trong chăn nuôi; mỗi nhận định của nhóm dưới đây là đúng hay sai ?

- a) Giống vật nuôi là nhóm vật nuôi có cùng nguồn gốc, có đặc điểm di truyền giống nhau và được con người chọn lọc, nhân thuần chủng.
- b) Giống vật nuôi có vai trò quyết định đến năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi.
- c) Nếu chọn giống vật nuôi phù hợp với điều kiện khí hậu, thức ăn và phương thức chăn nuôi thì hiệu quả sản xuất sẽ cao hơn.
- d) Trong chăn nuôi, chỉ cần có thức ăn tốt, không cần quan tâm đến yếu tố giống vật nuôi.

Câu 4: Những nhận định dưới đây về chọn lọc giống vật nuôi là đúng hay sai ?

- a) Chọn lọc giống vật nuôi là quá trình giữ lại những cá thể có đặc tính tốt để nhân giống.
- b) Trong thực tế sản xuất, có thể bỏ qua khâu chọn lọc giống mà vẫn duy trì được giống vật nuôi tốt qua nhiều thế hệ.
- c) Mục đích của chọn lọc giống vật nuôi là cải thiện, nâng cao chất lượng và năng suất đàn giống.
- d). Nếu người chăn nuôi áp dụng chọn lọc giống đúng cách, thì sau nhiều thế hệ, đàn vật nuôi sẽ ngày càng hoàn thiện về năng suất và chất lượng.

PHẦN III. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1 : Phân biệt nhân giống thuần chủng và lai giống? Cho ví dụ. (2 điểm)

Câu 2: Ông A nuôi gà và đã tiến hành phép lai sau: "Lai giữa gà trống Hồ với gà mái Lương Phượng để tạo ra con lai F1, sau đó con mái F1 được cho lai với con trống Mía để tạo ra con lai F2 (Hồ x Lương Phượng x Mía) là giống gà thịt lông màu thả vườn". Ông A đã áp dụng phương pháp lai nào? Nêu khái niệm của phương pháp đó? (1 điểm)

..... HẾT.....

Họ và tên học sinh.....SBD.....

Phần	I	II	III					
Số câu	12	4	0					
Câu\Mã đề	411	412	413	414	415	416	417	418
1	D	B	D	A	D	B	D	A
2	D	A	B	C	D	A	B	C
3	A	D	B	B	A	D	B	B
4	B	C	B	C	B	C	B	C
5	A	D	A	B	A	D	A	B
6	B	B	C	B	B	B	C	B
7	C	A	D	B	C	A	D	B
8	B	C	A	D	B	C	A	D
9	C	D	A	D	C	D	A	D
10	A	B	C	A	A	B	C	A
11	B	A	C	D	B	A	C	D
12	C	B	B	A	C	B	B	A
1	DSDD	DDDS	DSDS	DSDS	DSDD	DDDS	DSDS	DSDS
2	DSDS	DSDD	DSDD	DDDS	DSDS	DSDD	DSDD	DDDS
3	DDDS	DSDD	DSDD	DSDS	DDDS	DSDD	DSDD	DSDS
4	DSDD	DSDS	DDDS	DSDD	DSDD	DSDS	DDDS	DSDD

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN (3 điểm)

Mỗi đáp án đúng được 0.25 điểm

Mã đề Câu	411	412	413	414	415	416	417	418
1	D	B	D	A	D	B	D	A
2	D	A	B	C	D	A	B	C
3	A	D	B	B	A	D	B	B
4	B	C	B	C	B	C	B	C
5	A	D	A	B	A	D	A	B
6	B	B	C	B	B	B	C	B
7	C	A	D	B	C	A	D	B
8	B	C	A	D	B	C	A	D
9	C	D	A	D	C	D	A	D
10	A	B	C	A	A	B	C	A
11	B	A	C	D	B	A	C	D
12	C	B	B	A	C	B	B	A

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG, SAI (4 điểm)

Câu 1

Ý	411	412	413	414	415	416	417	418
a)	D	D	D	D	D	D	D	D
b)	S	D	S	S	S	D	S	S
c)	D	D	D	D	D	D	D	D
d)	D	S	S	S	D	S	S	S

Câu 2

Ý	411	412	413	414	415	416	417	418
a)	D	D	D	D	D	D	D	D
b)	S	S	S	D	S	S	S	D
c)	D	D	D	D	D	D	D	D
d)	S	D	D	S	S	D	D	S

Câu 3

Ý	411	412	413	414	415	416	417	418
a)	D	D	D	D	D	D	D	D
b)	D	S	S	S	D	S	S	S
c)	D	D	D	D	D	D	D	D
d)	S	D	D	S	S	D	D	S

Câu 4

Ý	411	412	413	414	415	416	417	418
a)	D	D	D	D	D	D	D	D
b)	S	S	D	S	S	S	D	S
c)	D	D	D	D	D	D	D	D
d)	D	S	S	D	D	S	S	D

PHẦN III. TỰ LUẬN (3 điểm)

Mã đề lẻ: 411, 413, 415, 417

Ý	Nội dung	Điểm
1	Câu1: Phân biệt nhân giống thuần chủng và lai giống: (1 điểm) Cho ví dụ đúng (1 điểm)	
	Đáp án: Câu 1: Phân biệt nhân giống thuần chủng và lai giống *Nhân giống thuần chủng - Khái niệm: là phương pháp cho giao phối giữa con đực và con cái thuộc cùng một giống (giống thuần) để thiết lập và duy trì các tính trạng ổn định mà con vật sẽ truyền cho thế hệ tiếp theo. các thế hệ con cháu sinh ra giống với thế hệ trước. - Ví dụ: Lợn cái Móng Cái X Lợn đực Móng Cái *Lai giống - Khái niệm: là cho giao phối giữa con đực và con cái thuộc các giống khác nhau để sinh ra đời sau mang vật chất di truyền từ nhiều giống khác nhau. - ví dụ : Lợn cái Móng Cái X Lợn đực Yorkshire	0,5 0,5 0,5 0,5
2	Câu 2: Ông A nuôi gà và đã tiến hành phép lai sau: “Lai giữa gà trống Hồ với gà mái Lương Phượng để tạo ra con lai F1, sau đó con mái F1 được cho lai với con trống Mía để tạo ra con lai F2 (Hồ x Lương Phượng x Mía) là giống gà thịt lông màu thả vườn”. Ông A đã áp dụng phương pháp lai nào? Nêu khái niệm của phương pháp đó?	
	Đáp án: - Ông A đã áp dụng phương pháp lai kinh tế phức tạp - Lai kinh tế phức tạp: là hình thức lai trong đó có từ 3 giống trở lên tham gia, tất cả con lai đều dùng để nuôi thương phẩm, không sử dụng làm giống.	0,5 0,5

Mã đề chẵn: 412, 414, 416, 418

Ý	Nội dung	Điểm
1	Câu1: Phân biệt nhân giống thuần chủng và lai giống: (1 điểm) Cho ví dụ đúng (1 điểm)	
	Đáp án: Câu 1: Phân biệt nhân giống thuần chủng và lai giống *Nhân giống thuần chủng - Khái niệm: là phương pháp cho giao phối giữa con đực và con cái thuộc cùng một giống (giống thuần) để thiết lập và duy trì các tính trạng ổn định mà con vật sẽ truyền cho thế hệ tiếp theo. các thế hệ con cháu sinh ra giống với thế hệ trước. - Ví dụ: Lợn cái Móng Cái X Lợn đực Móng Cái *Lai giống - Khái niệm: là cho giao phối giữa con đực và con cái thuộc các giống khác nhau để sinh ra đời sau mang vật chất di truyền từ nhiều giống khác nhau. - ví dụ : Lợn cái Móng Cái X Lợn đực Yorkshire	0,5 0,5 0,5 0,5

Ý	Nội dung	Điểm
2	Câu 2: Ông B nuôi lợn và đã tiến hành phép lai sau: “Lai giữa lợn cái Móng Cái với lợn đực Yorkshire để tạo ra con lai F1, sau đó con cái F1 được cho lai với con đực Landrat để tạo ra con lợn lai F2 (Móng Cái x Yorkshire x Landrat) là giống lợn thương phẩm tăng trọng nhanh, tỉ lệ nạc cao, sức đề kháng tốt”. Ông B đã áp dụng phương pháp lai nào? Nêu khái niệm của phương pháp đó? (1 điểm)	
	Đáp án: - Ông B đã áp dụng phương pháp lai kinh tế phức tạp - Khái niệm: Lai kinh tế phức tạp: là hình thức lai trong đó có từ 3 giống trở lên tham gia, tất cả con lai đều dùng để nuôi thương phẩm, không sử dụng làm giống.	0,5 0,5